



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*
8 Hoang Quoc Viet, Hanoi; Tel: (+84 24) 37911552; Fax: (+84 24) 37911551; <http://www.boa.gov.vn>

**YÊU CẦU BỔ SUNG TRONG VIỆC
CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN BRC**
*SPECIFIC REQUIREMENTS FOR ACCREDITATION OF
CB OPERATING BRC CERTIFICATION*

Mã số/ *Code*: ARC.11

Lần ban hành/ *Issue number*: 3.00

Ngày ban hành/ *Issue date*: 02/01/2020

1. Mục đích

Tài liệu này đưa ra yêu cầu cụ thể cho việc công nhận tổ chức chứng nhận BRC (TCCN).

2. Tài liệu liên quan

– BRC004 – Requirements for Certification Bodies Offering Certification Against the Criteria of BRC Global Standards

3. Yêu cầu về khách hàng của TCCN

TCCN phải hoàn thành quá trình chứng nhận cho ít nhất 01 khách hàng.

4. Yêu cầu về năng lực chuyên gia đánh giá của TCCN

Chuyên gia đánh giá của TCCN phải có trình độ Đại học trở lên.

5. Phạm vi công nhận và các chuẩn mực công nhận, chuẩn mực chứng nhận tương ứng

BoA cấp công nhận cho các TCCN theo các nhóm sản phẩm dưới đây:

1. Purpose

This document specifies the requirements for accreditation of BRC certification bodies (CB).

2. Reference

– BRC004 – Requirements for Certification Bodies Offering Certification Against the Criteria of BRC Global Standards

3. Requirements regarding clients of CB

CB shall complete the certification process for at least 01 client.

4. Requirements regarding competence of CB's auditors

CB's auditors shall be at least university graduated.

5. Scope of accreditation and relevant accreditation criteria, certification criteria

BoA grants accreditation for CBs according to the following product groups:

Phạm vi công nhận/ <i>Accreditation scope</i>			Chuẩn mực chứng nhận/ <i>Certification criteria</i>	Chuẩn mực công nhận/ <i>Accreditation criteria</i>
Nhóm ngành/ <i>Cluster</i>	Ngành/ <i>Category</i>	Chuyên ngành/ <i>Subcategory</i>		
I	An toàn thực phẩm <i>Food Safety</i>		BRC Global Standard for Food Safety	ISO/IEC 17065 BRC004 – Requirements for Certification Bodies Offering Certification Against the Criteria of BRC Global Standards
II	Bao bì và vật liệu bao gói <i>Packaging and Packaging Materials</i>		BRC Global Standard for Packaging Materials	
	Sản phẩm hàng tiêu dùng <i>Consumer Products</i>	Hàng hóa thông thường <i>General Merchandise</i>	BRC Global Standard for Storage and Distribution	
		Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia dụng <i>Personal Care and Household</i>	BRC Global Standard for Agents and Brokers	
III	Lưu kho và Phân phối <i>Storage and Distribution</i>		BRC Global Standard for Consumer Products – General Merchandise	
	Đại lý và Môi giới <i>Agents and Brokers</i>		BRC Global Standard for Consumer Products – Personal Care and Household	
	Bán lẻ <i>Retail</i>		BRC Global Standard for Retail	

6. Yêu cầu về đánh giá chứng kiến

Khi đánh giá chứng kiến, đoàn đánh giá công nhận phải có năng lực kỹ thuật.

6.1 Chứng kiến khi đánh giá công nhận lần đầu

Phải chứng kiến tối thiểu 01 ngành trong mỗi nhóm ngành đăng ký công nhận.

6.2 Chứng kiến để duy trì công nhận

Trong từng cuộc đánh giá hàng năm (giám sát lần 1, giám sát lần 2, công nhận lại), phải chứng kiến tối thiểu 01 cuộc trong nhóm ngành I nếu nhóm ngành này nằm trong phạm vi công nhận.

Trong một chu kỳ công nhận (bao gồm giám sát lần 1, giám sát lần 2 và công nhận lại), phải chứng kiến tối thiểu 01 cuộc trong mỗi nhóm ngành còn lại.

Ngoài ra, trong một chu kỳ công nhận cần chứng kiến:

- Các chuyên gia đánh giá khác nhau;
- Các khách hàng khác nhau;
- Các loại hình đánh giá khác nhau (đánh giá chứng nhận lần đầu, đánh giá giám sát, đánh giá tái chứng nhận).

6.3 Chứng kiến để mở rộng phạm vi công nhận

Phải đánh giá chứng kiến khi mở rộng sang nhóm ngành mới.

Không yêu cầu chứng kiến khi mở rộng trong nhóm ngành đã được công nhận.

7. Xác định thời lượng đánh giá công nhận

6. Requirements regarding witnessing

In witnessing assessment, the assessment team shall have technical competence.

6.1 Witnessing for initial assessment

At least 01 category shall be witnessed for each applied cluster.

6.2 Witnessing for maintaining of accreditation

In each annual assessment (i.e. 1st surveillance, 2nd surveillance, reaccreditation), at least 01 witnessing in cluster I shall be conducted (if this cluster covered by the scope of accreditation).

In an accreditation cycle (meaning from 1st surveillance to reaccreditation), at least 01 witnessing in each of the other accredited clusters shall be conducted.

In addition, in an accreditation cycle, it is necessary to witness:

- Different auditors;
- Different audited clients;
- Different types of audit (initial certification, surveillance and re-certification).

6.3 Witnessing for extension of accreditation

Witnessing is mandatory for extension to a new cluster.

Witnessing is not mandatory for extension to a new category within an accredited cluster.

7. Determination of assessment duration

Hoạt động đánh giá/ <i>Assessment activities</i>	Thời lượng/ <i>Duration</i>
Xem xét tài liệu hệ thống (đối với công nhận lần đầu, chuyển đổi tiêu chuẩn)/ <i>Document review (applicable for initial assessment, transition to new assessment standard)</i>	1 MD
Đánh giá tại văn phòng/ <i>Office assessment:</i>	
• Đánh giá công nhận lần đầu/ <i>Initial assessment</i>	3 MD
• Đánh giá giám sát/ <i>Surveillance assessment</i>	1 MD
• Đánh giá công nhận lại/ <i>Reaccreditation assessment</i>	2 MD
• Đánh giá mở rộng/ <i>Extension assessment</i>	1 MD mỗi nhóm ngành/ <i>cluster</i>
• Đánh giá tại các địa điểm khác ngoài trụ sở chính của TCCN (nếu có)/ <i>Assessment at sites of CB other than the main site (if any)</i>	1 MD mỗi địa điểm/ <i>each site</i>

Hoạt động đánh giá/ <i>Assessment activities</i>	Thời lượng/ <i>Duration</i>
<ul style="list-style-type: none"> Giảm thời lượng đánh giá trong các trường hợp đánh giá kết hợp các hệ thống (giảm không quá)/ <i>Reduction of assessment duration in case of integrated assessment (reduction shall not exceed)</i> 	30% tổng thời lượng đánh giá <i>30% of total assessment time</i>
Đánh giá chứng kiến/ <i>Witnessing assessment</i>	Theo thời lượng cuộc đánh giá được chứng kiến <i>According to the duration of the audit witnessed</i>
Thẩm xét hồ sơ/ <i>Reviewing of assessment records</i>	
<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá công nhận lần đầu/ <i>Initial assessment</i> 	1 MD
<ul style="list-style-type: none"> Các loại hình đánh giá khác/ <i>Other types of assessment</i> 	0.5 MD

Ghi chú/ *Note*: MD (manday) – Ngày công đánh giá